

Số: 661 /XN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Mã số mẫu: 0778.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 9/9/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)

Lượng mẫu : 1,5L + 250mL

Ngày nhận mẫu : 09/09/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 10/09/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 10/09/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,88                | 2                   | 09/09/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | Phương pháp DPD                                       | 0,37                | 0,3 - 0,5           | 09/09/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 -Cl <sup>-</sup> B - 2017 (*)              | 88,00               | 250,00              | 09/09/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2017 (*)                                | 264,00              | 300,00              | 09/09/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2017                                    | 1,2                 | 2                   | 09/09/2020      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2017 (*)                                | 2,44                | 15                  | 09/09/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)                          | Không phát hiện     | 0,3                 | 09/09/2020      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 09/09/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180 - 1996                                      | 0,81                | 50                  | 09/09/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2017 (*) | Không phát hiện     | 3                   | 09/09/2020      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,45                | 6,5 - 8,5           | 09/09/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2017                              | 0,11                | 0,3                 | 09/09/2020      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | EPA 1997 - 375.4                                      | 196,3               | 250                 | 09/09/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt



Mã số mẫu: 0778.20

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 9 năm 2020

Ký, GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

| STT | Chỉ tiêu                  | Phương pháp    | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|---------------------------|----------------|---------|------------|-----------------|
| 1   | Chỉ số pH                 | TCVN 6380-1998 | 7.2     | 6.5 - 8.5  | 09/09/2020      |
| 2   | Chỉ số độ cứng (mg/L)     | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 3   | Chỉ số độ đục (NTU)       | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 4   | Chỉ số độ màu (PCU)       | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 5   | Chỉ số độ kiềm (mg/L)     | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 6   | Chỉ số độ chua (mg/L)     | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 7   | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 8   | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 9   | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 10  | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 11  | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 12  | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 13  | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 14  | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |
| 15  | Chỉ số độ tổng hợp (mg/L) | TCVN 6380-1998 | 0.1     | 0.3        | 09/09/2020      |



Số: 662 /XN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0779.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Trung tâm nghề, TT. Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 9/9/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC )

Lượng mẫu : 1,5L + 250mL

Ngày nhận mẫu : 09/09/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 10/09/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 10/09/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,56                | 2                   | 09/09/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | Phương pháp DPD           | 0,32                | 0,3 - 0,5           | 09/09/2020      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2017        | 1,37                | 2                   | 09/09/2020      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2017 (*)    | 3,18                | 15                  | 09/09/2020      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 09/09/2020      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2017  | 0,09                | 0,3                 | 09/09/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 9 năm 2020



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm